

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ – ST

Ngày 05 - 7 - 2021

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con và
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Bà Lê Thị Bích Thuận.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên toà: Bà Vũ Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. Bị đơn: Anh Tạ Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Tạ Văn Th, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1957, (là bố, mẹ anh T).

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị K là ông Tạ Văn T, (Là đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 3 năm 2021), “có mặt”.

4. Người làm chứng:

-Anh Tạ Văn K, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.
-Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.
-Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.
-Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Tổ dân phố Trại C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.
-Chị Trần Thị Mi, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 12 năm 2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn năm 2009, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 12 năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã Bá Hiến (nay là thị trấn Bá Hiến), huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới chị về ngay gia đình anh T làm dâu, ở chung cùng gia đình anh T, đến đầu năm 2010 chị và anh T được bố mẹ anh T cho ra ở riêng trên diện tích đất khoảng 300m² cùng một ngôi nhà cấp bốn và dãy phòng trọ tại Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; cùng thời điểm đó gia đình anh T cũng cho gia đình anh trai anh T là anh Tạ Văn K (vợ là M) đến cùng sinh sống, làm ăn trên thửa đất cùng chị và anh T; do anh K và gia đình làm ăn thuận lợi nên từ năm 2017 gia đình anh T đã thu xếp, sắp xếp để chị và anh T đến chỗ ở trên đất và nhà ngày nay; khoảng năm 2019 anh T vi phạm pháp luật và đến ngày 19 tháng 5 năm 2021 bị bắt tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa hòa thuận, hạnh phúc; mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2017; nguyên nhân là do anh T thường xuyên bỏ nhà đi, không còn chút trách nhiệm gì với vợ, con và gia đình, đỉnh điểm từ đầu năm 2020 đến nay anh T đã bỏ đi và không về thăm nhà một lần và cũng không đưa chị một khoản tiền nào để chăm lo cho các con ăn, học. Trong khoảng thời gian bỏ nhà đi, anh T còn công khai có mối quan hệ tình cảm với một người phụ nữ ở huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 12 năm 2020, anh T trở về nhà đánh và đuổi chị ra khỏi nhà; từ năm 2017 đến nay

vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Tạ Quang T, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2011 và cháu Tạ Quang H, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2017, hiện nay cả hai con đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng; ly hôn với anh T chị đề nghị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung; chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện tại chị có công việc, thu nhập hàng tháng ổn định, có đủ khả năng để chăm sóc cho cháu được hưởng các điều kiện tốt, đảm bảo sự phát triển toàn diện của các cháu; các cháu vẫn đang ở với chị từ nhỏ, mặt khác cháu T cũng đã trình bày trước Tòa án là có nguyện vọng được ở với chị; đối với anh T thì không đủ tư cách, điều kiện để chăm sóc, giáo dục các con, đã bị khởi tố và bắt tạm giam vì vi phạm pháp luật; do đó chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Năm 2009 chị và anh T kết hôn, sau khi kết hôn thời gian ngắn khoảng năm 2010 thì được bố mẹ anh T cho ra ở riêng trên diện tích đất 300m² và 01 ngôi nhà cấp bốn cùng 01 dãy phòng trọ tại Tổ dân phố T, thị trấn B; đến năm 2012 thì anh Tạ Văn K là anh trai anh T đứng ra mượn diện tích đất để vợ chồng anh chị kinh doanh, đến năm 2017 anh K đứng ra nhận chuyển nhượng hai ô đất ở thửa đất số 913 và thửa đất 914, tờ bản số 39; địa chỉ: Khu đất dịch vụ Tân Ngọc - Thống Nhất - Bắc Ké, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, trên danh nghĩa là đổi cho anh chị ra diện tích đất này và anh K, chị M chính thức sử dụng diện tích đất ở tổ dân phố T, thị trấn B; mọi thủ tục ký kết hợp đồng với chủ đất, kê khai, nộp thuế nhận chuyển nhượng đều do chị và anh T thực hiện; đến ngày 29 tháng 11 năm 2017 anh chị chính thức được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đến năm 2018 chị, anh K và gia đình anh T đứng ra xây dựng 01 ngôi nhà 02 tầng lợp mái tôn trên diện tích đất 100m², ở thửa đất số 914 để trả cho anh chị trên diện tích đất anh K, chị M đang làm và ở của anh chị; khi xây dựng ngôi nhà 02 tầng thì bản thân chị cũng có số tiền 80.000.000 đồng góp vào và bố mẹ chị có cho chị thêm 20.000.000 đồng để chị cùng góp vào xây nhà, sau đó toàn bộ đồ đạc, tài sản trong nhà đều do chị mua sắm; nay ly hôn chị đề nghị chia cho chị và anh T mỗi người 01 diện tích đất. Cụ thể, chị đề nghị được chia diện tích đất 100m² ở thửa đất số 914, tờ bản đồ số 39 cùng 01 ngôi nhà 02 tầng 01 tum, diện tích sử dụng 209m² xây dựng trên diện tích đất này để chị lấy chỗ ăn ở, nuôi con vì chị không có chỗ ở nào khác và nhất trí thanh toán chênh lệch về tài sản là giá trị ngôi nhà cho anh T theo mức giá mà Hội đồng định giá đã định; đối với thửa đất số 913, tờ bản đồ số 39, diện tích 100m², địa chỉ: Khu đất dịch vụ Tân Ngọc, Thống Nhất, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, chia cho anh T được quyền sử dụng diện tích đất này.

Về khoản nợ: Chị và anh T không nợ chung gì của ai và không cho ai vay chung, không nợ của bất kỳ tổ chức tín dụng nào; ly hôn với anh T chị không đề nghị gì về công nợ.

Bị đơn anh Tạ Văn T vắng mặt tại phiên tòa, xong trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh T trình bày: Anh cũng xác thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị H trình bày là đúng, xong nguyên nhân quan trọng nhất là do chị H không tôn trọng anh, nghi ngờ anh không chung thủy; do công việc nên anh hay vắng nhà, vợ chồng không có sự thông hiểu cho nhau, chị H hiểu lầm anh là trai gái, bỏ bịch bên ngoài về chửi bới vợ con xong thực tế là không như vậy, do vi phạm pháp luật nên anh bị bắt tạm giam; anh cũng đã cố gắng hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ; xong do chị H vẫn cương quyết ly hôn nên anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không cải thiện được nữa, chị H yêu cầu ly hôn anh cũng nhất trí, việc anh thuận tình ly hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc gì.

Về con chung: Anh cũng xác nhận như chị H trình bày, anh chị 02 con chung là cháu Tạ Quang T và cháu Tạ Quang H; trong những lần làm việc đầu tiên nguyện vọng của anh cũng đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung và anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, nếu không được nuôi cả hai con chung thì anh đề nghị mỗi người nuôi một con chung. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, anh trình bày không có điều kiện để chăm sóc, giáo dục con và không có khả năng cấp dưỡng nuôi con nên anh nhất trí để chị H được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung.

Về chia tài sản: Anh xác nhận anh và chị H có 02 diện tích đất, mỗi một thửa là 100m², ở thửa đất số 913 và 914, tờ bản đồ số 39, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29 tháng 11 năm 2017, địa chỉ: Khu đất dịch vụ Tân Ngọc -Thống Nhất - Bắc Ké, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; đến năm 2018 anh và chị H được bố mẹ anh đứng ra làm nhà 02 tầng, 01 tum; xây dựng trên diện tích đất ở thửa số 914; nay ly hôn anh không nhất trí với yêu cầu chia tài sản của chị H vì nguồn gốc số tài sản này là của bố mẹ anh, do bố mẹ anh tạo dựng lên, việc cho anh, chị đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây nhà cho anh chị chỉ nhằm mục đích để giữ nhà, đất cho bố mẹ anh; anh chỉ đồng ý cho chị H tiếp tục ở lại nhà và đất để nuôi con, nếu anh được chia thì anh vẫn trả lại cho bố mẹ anh là ông Th và bà K.

Về công nợ, anh xác nhận anh chị không nợ chung gì của ai, không cho ai vay chung, không dùng tài sản để thế chấp ở đâu; những khoản nợ của anh ở bên ngoài là của riêng anh, không liên quan đến chị H nên anh cũng không đề nghị gì về công nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tạ Văn Th, đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị K trình bày: Ông là bố của anh T, chị H là con dâu ông; sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án giữa chị H và anh T thì gia đình đã nhiều lần họp, động viên, thuyết phục chị H rút đơn để vợ chồng đoàn tụ; nay anh chị cương quyết ly hôn, ông tôn trọng quyết định của anh chị.

Về con chung của anh chị: Khi chị H, anh T ly hôn, do các cháu là họ hàng, huyết thống của gia đình ông nên ông cũng đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai cháu Tạ Quang T và cháu Tạ Quang H, ông không yêu cầu hai anh chị phải cấp dưỡng nuôi con của anh chị.

Về yêu cầu chia tài sản của chị H ông có quan điểm như sau: Năm 2002 vợ chồng ông đứng ra nhận chuyển nhượng 02 diện tích đất ở tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; đến năm 2009 anh T kết hôn với chị H, thì đầu năm 2010 ông bà cho anh chị 01 diện tích đất ở Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; sau đó ông và gia đình đã nhiều lần đầu tư cho anh chị làm ăn; đến năm 2017 ông giao cho anh Tạ Văn K là con cả đứng ra nhận chuyển nhượng 02 diện tích đất, mỗi thửa 100m², ở thửa số 913, 914, tờ bản đồ số 39, địa chỉ: Khu đất dịch vụ Tân Ngọc - Thống Nhất- Bắc Ké thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc sau đó cho anh T, chị H đứng tên trên diện tích đất này; đến năm 2018 ông đứng ra làm ngôi nhà 02 tầng cho anh chị ở; quá trình xây dựng chị H có đưa thêm cho ông 100.000.000đồng (*Một trăm triệu đồng*) để bù đắp chi phí xây nhà; mặc dù tuy cho anh chị đứng tên xong vẫn là của ông, bà. Nếu anh chị ly hôn, ông không nhất trí với yêu cầu chia tài sản của chị H; tuy nhiên vẫn cho chị H ở lại trên diện tích đất này để ăn ở, nuôi con; ông cũng không nhất trí yêu cầu chia tài sản ở thời điểm hiện tại và cũng không yêu cầu gì đối với số tiền ông đã bỏ ra để đầu tư cho anh chị làm ăn, ông sẽ dành quyền lợi này cho hai con của anh chị là cháu Tạ Quang H, Tạ Quang T, cho tặng trực tiếp hai cháu để các cháu có vốn mà không cho anh T, chị H; nếu sau ly hôn chị H có nguyện vọng ở trên đất và nhà để nuôi con ông cũng nhất trí để cho chị ở trên diện tích đất và nhà để nuôi con.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 33, 51, 56, 58, 59, 62, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị H.

Về con chung: Giao cho chị Dương Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 cháu Tạ Quang T, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2011 và cháu Tạ Quang H, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2017; anh Tạ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về chia tài sản: Chia cho chị Dương Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 100m², ở thửa đất số 914, tờ bản đồ số 39 và sở hữu, sử dụng 01 ngôi nhà 02 tầng, 01 tum được xây dựng trên thửa đất số 914, tờ bản đồ số 39; chia cho anh Tạ Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 100m², ở thửa đất số 913, tờ bản đồ số 39; cả hai diện tích đất trên đều ở địa chỉ: Khu đất dịch vụ Tân Ngọc - Thống Nhất - Bắc Ké, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; chị H phải có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản là ngôi nhà tương ứng với 60% giá trị ngôi nhà cho anh Tạ Văn T

Về chi phí tố tụng: Chị Dương Thị H xin chịu nên chị H phải chịu toàn bộ chi phí theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án giải quyết: Dương Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Tạ Văn T, về con chung chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và chị yêu cầu về chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh T nên quan hệ pháp luật Tòa án giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; do các đương sự cư trú tại thị trấn B, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết chị H không đề nghị đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tạ Văn T và bà Nguyễn Thị K

tham gia tố tụng; tuy nhiên bị đơn là anh Tạ Văn T xác định tài sản của anh chị là của bố mẹ anh và đề nghị trả lại cho bố mẹ anh nên Tòa án xác định ông Tạ Văn Th, bà Nguyễn Thị K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tại phiên tòa ngày 24 tháng 6 năm 2021, ông Tạ Văn Th có đơn xin hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử đã phải hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; tại phiên tòa hôm nay chị H, ông Th có mặt, anh Tạ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, một số người làm chứng vắng mặt xong đã có lời khai đầy đủ nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T và một số người làm chứng theo quy định tại khoản 1, Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân giữa chị Dương Thị H và anh Tạ Văn T là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Bá Hiến (nay là thị trấn Bá Hiến), huyện Bình Xuyên đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12 tháng 12 năm 2009, sau khi kết hôn, chị H về ngay gia đình anh T làm dâu, được thời gian ngắn sau vợ chồng được bố mẹ anh T cho ra ở riêng trên diện tích đất và nhà ở Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; từ năm 2018 đến nay anh chị ở chung trên đất và nhà tại khu đất dịch vụ Tân Ngọc, Thống Nhất, Bắc Ké, thị trấn B, huyện B (nhà đất hiện tại); quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hòa hợp được cuộc sống, anh T có lối sống không lành mạnh, vi phạm pháp luật, bị cơ quan pháp luật khởi tố và bắt tạm giam; mặt khác anh T không chung thủy, có quan hệ, đi lại với người phụ nữ khác, không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau, tuy anh chị vẫn sống chung cùng một nhà xong không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau; trong những lần làm việc tại Tòa án cả chị H và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được; tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ quan điểm, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh T, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do anh T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Tạ Văn T.

[3.1] Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là cháu Tạ Quang T, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2011 và cháu Tạ Quang H, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2017; ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng; ông Tạ Văn Th cũng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục hai cháu và cũng không yêu cầu phải cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên vọng được chăm sóc các con, các cháu là chính đáng, phù hợp với đạo lý tốt đẹp truyền đời của dân tộc; tuy nhiên

quan hệ giữa cha mẹ với con được pháp luật Hôn nhân gia đình điều chỉnh, tôn trọng và bảo vệ cũng như quy định rõ ràng về quyền và nghĩa vụ; khi cha mẹ không đủ khả năng, cũng như chối bỏ trách nhiệm của mình đối với con cái thì mới đến lượt ông, bà, người thân khác; nên khi cha mẹ vẫn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc con thì ông bà chưa có quyền, nghĩa vụ để chăm sóc các cháu; do đó ý kiến của ông Th về đề nghị được trực tiếp chăm sóc các cháu không được Hội đồng xét xử chấp nhận; căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được, chứng minh chị H có đầy đủ điều kiện về công việc, về thu nhập để nuôi cả hai con chung; đối với anh T hiện đang bị bắt tạm giam về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, thường xuyên vắng nhà, không có đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung; nay để tránh sáo trộn, ảnh hưởng đến cuộc sống của hai cháu thì cần giao cho chị H được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở, gây khó khăn.

[3.2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của chị H về chia cho chị và anh T mỗi người một diện tích đất và chị xin được sử dụng ngôi nhà trên diện tích đất 100m², ở thửa đất số 914, tờ bản đồ số 39 tại Khu đất dịch vụ Tân Ngọc - Thống Nhất - Bắc Ké, thị trấn B, huyện B; anh T và ông Th không nhất trí chia mà chỉ đồng ý cho chị H và các con, cháu tiếp tục ở trên diện tích đất và nhà này. Hội đồng xét xử thấy rằng: Về nguồn gốc 02 diện tích đất ở hai thửa đất 913 và 914, tờ bản đồ số 39 là của gia đình anh T cho, tặng anh chị vì; năm 2009 chị H, anh T kết hôn, sau khi kết hôn, ở chung cùng gia đình anh T, đến đầu năm 2010 ông Th, bà K cho anh chị ra ở riêng trên đất và nhà tại Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó ông Th, bà K tiếp tục cho vợ chồng anh T, chị H là con cả ra ở sinh sống, làm ăn, kinh doanh, buôn bán cùng vợ chồng anh T, chị H; do nhu cầu mở rộng, sản xuất kinh doanh buôn bán của vợ chồng anh K nên gia đình ông Th, bà K sắp xếp nhận chuyển nhượng cho anh T, chị H diện tích đất khác để lấy chỗ ăn ở; vào năm 2017 qua sự giới thiệu của ông Đỗ Văn H và qua giao dịch giữa ông H và anh T, chị H trực tiếp ký hợp đồng nhận chuyển nhượng hai diện tích đất ở thửa số 913, 914 tờ bản đồ số 39 tại khu đất dịch vụ Tân Ngọc, Thống Nhất, thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên; đến ngày 29 tháng 11 năm 2017 thì anh T, chị H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai diện tích đất này; kể từ khi anh T, chị H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay không ai khiếu nại, thắc mắc gì về việc cấp giấy chứng nhận cho

anh chị nên phải xác định đây là tài sản chung của anh T, chị H đã được cho tặng; đủ điều kiện để chia cho anh T, chị H được sử dụng mỗi người một diện tích đất là phù hợp; ý kiến của anh T cho rằng đây là đất của bố mẹ anh; ý kiến của ông Th không nhất chí chia mà chỉ cho mẹ con chị H ở trên đất và nhà này là không phù hợp, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó cần chia cho anh T, chị H mỗi người được sử dụng 01 diện tích đất 100m² ở hai thửa đất khác nhau mà không phải thanh toán chênh lệch về tài sản là quyền sử dụng đất là phù hợp.

[3.3]. Xét yêu cầu xin được sử dụng ngôi nhà trên diện tích đất 100m², ở thửa đất số 914 tờ bản đồ số 39 của chị H để chị lấy chỗ ăn ở, sinh sống, nuôi con; ông Th và anh T không đồng ý mà chỉ chấp nhận tiếp tục cho chị H và các con, các cháu ở trên ngôi nhà này. Hội đồng xét xử thấy rằng: Lời khai của ông Tạ Văn Th, anh Tạ Văn T, lời khai của anh Tạ Văn K (anh trai anh T) chị Trần Thị Minh Th (là con dâu của ông Th) đều khẳng định năm 2018, ông Th đứng ra xây dựng ngôi nhà là để cho chị H, anh T để bù lại việc anh T, chị H nhường lại đất và nhà của anh K, chị M đang ở tại Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B; khi xây dựng bản thân chị H cũng trực tiếp đưa, giao cho ông Th số tiền 100.000.000đồng là tiền chị tích góp được và vay mượn từ gia đình bên ngoại, sau đó toàn bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình đều do một mình chị H mua, sắm để sử dụng; do đó phải xác định gia đình ông Th đã cho, tặng cho anh chị H, anh T ngôi nhà này và ngôi nhà này thuộc quyền sở hữu của chị H, anh T là phù hợp với thực tế ở địa phương và phong tục tập quán trong gia đình; nên đề nghị của chị H về việc được chia ngôi nhà trên là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận; vì ngoài chỗ ở này ra chị H không còn chỗ ở nào khác, hơn nữa chị cũng đang phải trực tiếp nuôi cả hai con chung của anh chị, có nhu cầu cấp thiết về nơi ăn, chốn ở, đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho các cháu; mặt khác để phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ sau khi ly hôn nên cần chia cho chị H được quyền trực tiếp sở hữu, sử dụng ngôi nhà trên và thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh T giá trị ngôi nhà là phù hợp. Xét việc thanh toán chênh lệch về tài sản thì trong trường hợp này phải coi anh Tạ Văn T là người có công sức nhiều hơn trong việc xây dựng lên ngôi nhà này, do đó khi giao cho chị Huê sở hữu ngôi nhà trên cần buộc chị Dương Thị H thanh toán chênh lệch bằng 60% giá trị ngôi nhà cho anh Tạ Văn T là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ý kiến của ông Tạ Văn Th không nhất trí chia vì ông vẫn đang đứng tên chủ hộ gia đình trong sổ hộ khẩu của anh T, chị H; xong thực tế ông Th không cư trú, sinh sống cùng gia đình chị H mà đang sinh sống cùng bà Nguyễn Thị K và vợ chồng anh con cả, việc đứng tên trong sổ hộ khẩu chỉ có ý nghĩa quản lý về nhân khẩu của địa phương nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4]. Căn cứ vào kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thì chị H và anh T có các tài sản gồm: Diện tích đất ở thửa đất số 913, 914, tờ bản đồ số 39, tại khu đất dịch vụ Tân Ngọc - Thống Nhất - Bắc Ké, thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc có giá trị là 10.000.000đồng/1 m² (*Mười triệu đồng*) trên một mét vuông x 100m² = 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), tương ứng với 02 ô đất là 2.000.000.000đồng (*Hai tỷ đồng*); 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích xây dựng và sử dụng 209m² + 01 tum diện tích xây dựng là 104,5m² có giá trị là 880.000.000đồng (*Tám trăm tám mươi triệu đồng*); tổng giá trị tài sản là 2.880.000.000đồng (*Hai tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng*); anh T được chia diện tích đất 100 m², ở thửa đất số 913, tờ bản đồ số 39; chị H được chia diện tích đất 100 m², ở thửa đất số 914, tờ bản đồ số 39 và 01 ngôi nhà 02 tầng trên đất giá trị tài sản là 1.880.000.000đồng (*Một tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng*); buộc chị H phải thanh toán chênh lệch về tài sản là ngôi nhà cho anh T tương ứng với 60% giá trị ngôi nhà là 528.000.000đồng(*Năm trăm hai tám triệu đồng*); khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị H và anh T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mình theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Do chị Dương Thị H đã nộp tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản, nay chị H không yêu cầu gì về tiền chi phí tố tụng, không yêu cầu anh T phải chịu cùng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết;

[5] Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chị Dương Thị H và anh Tạ Văn T phải chịu án phí giá ngạch đối với phần tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 33, 51, 56, 58, 59, 62, 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Tạ Văn T.

[2]. Về nuôi con chung: Giao cho chị Dương Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Tạ Quang T, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2011 và cháu Tạ Quang H, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2017; anh Tạ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở, gây khó khăn.

[3]. Chia tài sản chung của chị Dương Thị H và anh Tạ Văn T như sau:

[3.1]. Chia cho chị Dương Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 100m² ở thửa đất số 914, tờ bản đồ số 39, tại khu đất dịch vụ Tân Ngọc - Thống Nhất - Bắc Ké tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc và sở hữu 01 nhà xây hai tầng diện tích xây dựng, sử dụng 209m² + 01 tum diện tích xây dựng là 104,5m²; Tổng giá trị tài sản là 1.880.000.000đồng (*Một tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng*)

[3.2]. Chia cho anh Tạ Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 100m² ở thửa đất số 913, tờ bản đồ số 39, tại khu đất dịch vụ Tân Ngọc - Thống Nhất - Bắc Ké tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; tổng giá trị tài sản là 1.000.000.000đồng (*Một tỷ đồng*); (diện tích đất và tài sản trên đất chia cho chị Dương Thị H và anh Tạ Văn T có sơ đồ hiện trạng chi tiết kèm theo);

Chị Dương Thị H và anh Tạ Văn T có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thiện trình tự, thủ tục, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất theo quy định của pháp luật.

[3.3]. Buộc chị Dương Thị H phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Tạ Văn T số tiền là 528.000.000đồng (*Năm trăm hai mươi tám triệu đồng*)

Kể từ ngày anh Tạ Văn T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Dương Thị H không thanh toán khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4]. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 52.560.000 đồng (*Năm mươi hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) án phí phân chia tài sản chung; tổng là 52.860.000đồng (*Năm mươi hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.000.000đồng (*Chín triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/01264 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên. Chị Dương Thị H còn phải nộp tiếp số tiền là 43.860.000đồng (*Bốn mươi ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Anh Tạ Văn T phải chịu 57.840.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*) án phí phân chia tài sản chung

[5]. Quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[6].Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND thị trấn B, huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Tấn Tám